

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26/8/2022

*“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung giữa anh L và chị T”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Gia Khải
2. Ông Đặng Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Hữu L, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, huyện M, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt anh L; vắng mặt chị T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại phiên tòa và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Vũ Hữu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện M vào ngày 30/9/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình chị T ở thôn Q, xã N, huyện P. Quá trình chung sống đến tháng 8/2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau,

không thương yêu thông cảm cho nhau, dẫn tới vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn căng thẳng vào năm 2015 thì vợ chồng ly thân, đến cuối năm 2018 anh cùng các con không chung sống tại gia đình chị T nữa mà bỏ về gia đình anh ở Thôn Đ, xã G sinh sống. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, anh xin ly hôn chị T

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là Vũ Hữu R sinh ngày 04/7/2010 và Vũ Thị T sinh ngày 21/9/2013. Ly hôn, anh nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/4/2022 và ngày 23/5/2022 bị đơn chị Nguyễn Thị T khai:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và thời gian mâu thuẫn như anh Vũ Hữu L đã trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh L chơi bời, cờ bạc, rượu chè, không tu chí làm ăn lại còn đánh đập, hành hạ chị. Mâu thuẫn căng thẳng vào năm 2019, anh L đã đưa con về Hải Dương sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh L có đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn chị nhất trí ly hôn anh L.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh Vũ Hữu L đã trình bày là đúng. Ly hôn, chị nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Thị Thu Thảo, chị để anh L trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Hữu Trọng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện tại, chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh với cơ sở Thôn Đ, xã G và cơ sở Thôn Q, xã N thấy: Anh Vũ Hữu L và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình chị T ở Thôn Q, xã N. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì cơ sở thôn không biết, trong thời gian chung sống tại Thôn Q, anh L có cờ bạc, rượu chè. Khoảng năm 2019, anh L cùng các con không sinh sống tại gia đình chị T nữa mà bỏ về gia đình anh L tại Thôn Đ, xã G sinh sống. Nay anh L có đơn xin ly hôn chị T, cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T và anh L có 02 con chung Vũ Hữu R sinh ngày 04/7/2010 và Vũ Thị T sinh ngày 21/9/2013, hiện cả hai con đang ở với anh L, chị T vẫn đến thăm các con, các con của anh chị vẫn phát triển bình thường. Nếu Tòa án giải quyết cho anh L và chị T ly hôn, về con chung và cấp dưỡng cho con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung của anh L chị T cơ sở thôn không nắm rõ.

Cháu Nguyễn Hữu Trọng và cháu Nguyễn Thị Thu Thảo là con chung của anh L và chị T khai: Các cháu là con của bố Vũ Hữu L và mẹ Nguyễn Thị T,

cháu đang ở với bố cháu. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố cháu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến về chấp hành pháp luật tại phiên tòa của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Vũ Hữu L được ly hôn chị Nguyễn Thị T; Về con chung: xử giao 02 con chung Vũ Hữu R sinh ngày 04/7/2010 và Vũ Thị T sinh ngày 21/9/2013 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; Về án phí: anh L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Hữu L khởi kiện ly hôn và nuôi con chung với chị Nguyễn Thị T. Do chị T là bị đơn cư trú tại Thôn Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Bình nên TAND huyện P, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T đã được Tòa án triệu tập hợp T lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Hữu L và chị Nguyễn Thị T xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân xã G, huyện M, tỉnh Hải Dương cấp đăng ký kết hôn số 51 ngày 30/8/2008 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 8/2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, anh L lại chơi bời, cờ bạc, rượu chè. Mâu thuẫn căng thẳng vào năm 2019 anh L đã đưa các con về Thôn Đ, xã G sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, anh xin ly hôn chị T. Chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, chị nhất trí ly hôn anh L. Tòa án tiến hành hòa giải nhưng chị T không có mặt, chị T không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, mặt khác thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh L và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho anh L được ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Vũ Hữu L và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là Vũ Hữu R sinh ngày 04/7/2010 và Vũ Thị Tsinh ngày 21/9/2013. Ly hôn, anh L nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con. Chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con Thảo, chị để anh L trực tiếp nuôi dưỡng con Trọng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Nguyện vọng nuôi của anh L chị T là chính đáng. Mặc dù ở địa phương kinh tế của anh L xếp loại hộ cận nghèo nhưng hiện tại anh L tu chỉ làm ăn, có việc làm và thu nhập ổn định mặt khác từ khi vợ chồng sống ly thân các con ở trực tiếp với anh L, được anh L chăm sóc rất chu đáo, các cháu phát triển bình thường phù hợp với lứa tuổi, cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với anh L, điều đó cho thấy anh L có đủ điều kiện để nuôi con. Đối với chị T, quá trình giải quyết vụ án chị T vắng mặt tại phiên hoà giải và tại phiên toà, điều đó cho thấy chị T không có thiện chí trong việc giải quyết vụ án, không có thiện chí trong việc nuôi dưỡng con chung. Để không ảnh hưởng đến việc chăm sóc nuôi dưỡng và học tập của các con chung cần giữ nguyên tình trạng nuôi con chung như hiện nay, giao cả 02 con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con, là đáp ứng được nguyện vọng của con chung, phù hợp với nguyện vọng của anh L và phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh Vũ Hữu L và chị Nguyễn Thị T đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên về tài sản chung Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Anh Vũ Hữu L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên, anh L là hộ cận nghèo lại có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho anh L là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và T phí Tòa án:

[6] Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Hữu L và chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và T phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Hữu L được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung: Xử giao 02 con chung Vũ Hữu R sinh ngày 04/7/2010 và Vũ Thị Tsinh ngày 21/9/2013 cho anh Vũ Hữu L trực tiếp nuôi

dưỡng. Anh L không yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng cho con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4.Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Vũ Hữu L. Trả lại anh L số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), anh L đã nộp theo biên lai thu số 0004612 ngày 15 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

5.Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Hữu L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp T theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- Nơi ĐKKH:UBND xã G, h.M, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên
(*Đã ký*)